ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Ngữ văn — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**23**	**274**	**71**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
12	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
13	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
14	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**26**	**243**	**147**		
15	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10		
16	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	2	24	6		A
17	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
18	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
19	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	2	15	15		A
20	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15	31721091	
21	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
22	31738062	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	3	33	12		
23	31728066	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong dạy học Ngữ văn	2	9	21	32022212	A
		Học phần tự chọn	**4**	**35**	**25**		
24	31722001	*Mỹ học đại cương*	2	15	15		
25	31728052	*Learning Science*	2	20	10		A
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**77**	**642**	**603**		
26	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	3	30	15	31721140	
27	31738081	Nghiên cứu và phê bình văn học: lý thuyết và ứng dụng	3	30	15		A
28	31738078	Các xu hướng tiếp cận văn học Việt Nam đương đại	3	30	15		
29	31748074	Phong cách học & Ngữ dụng học tiếng Việt	4	30	30	31721140	
30	31738057	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay	3	30	15	31738056	
31	31738056	Văn học Việt Nam hiện đại 1900-1945	3	30	15	31748050	
32	31748073	Ngữ âm học và Từ vựng học tiếng Việt	4	30	30	31721140	
33	31738051	Văn học châu Á	3	30	15		
34	31748050	Văn học trung đại Việt Nam	4	45	15		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
35	31738048	Văn học Âu-Mĩ	3	30	15		A
36	31744887	Văn học dân gian Việt Nam	4	30	30		
37	31724886	Văn học Nga	2	15	15		
38	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	15	15		
39	31731004	Văn bản Hán Nôm Việt Nam	3	30	15		
40	31732153	Hán văn cơ sở	3	30	15		
41	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	3	30	15		
42	31731506	Nhập môn lí luận văn học	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**24**	**147**	**303**		
43	31728072	*Ứng dụng liên ngành trong nghiên cứu văn học*	2	15	15		A
44	31728071	*Thi pháp học*	2	20	10		
45	31721498	*Ngữ pháp văn bản*	2	15	15	31721140	
46	31728069	*Phương ngữ học tiếng Việt*	2	15	15	31721140	
47	31728080	*Văn học dì dân*	2	17	13		
48	31728079	*Foklore và văn học viết*	2	15	15		
49	31728059	*Tiếng Việt trong nhà trường*	2	15	15		
50	31728054	*Xã hội học văn học*	2	20	10		
51	31728093	*Văn học địa phương*	2	15	15		
52	31761102	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**26**	**144**	**366**		
53	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
54	31721100	Kiến tập sư phạm	2	0	60	31758060; 31748061	
55	31741101	Thực tập sư phạm	4	0	120	31758060; 31748061	
56	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
57	31728058	Ứng dụng công nghệ trong thiết kế học liệu và dạy học Ngữ văn	2	15	15	31721403	A
58	31758060	Dạy học đọc hiểu văn bản: Lý thuyết và thực hành	5	35	40	31721403	
59	31748061	Dạy học viết & nói-nghe: Lý thuyết & thực hành	4	30	30	31721403	
		Học phần tự chọn	**4**	**24**	**66**		
60	31721849	*Thực tế chuyên môn*	2	0	60		
61	31721071	*Dạy học Ngữ văn theo định hướng tích hợp và phân hoá*	2	24	6		
TẠO			**152**	**1303**	**1187**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**962**	**778**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thanh Tịnh	Hồ Trần Ngọc Oanh	TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Ngữ văn — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10		
	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	2	15	15		A
	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	15	15		
	31724886	Văn học Nga	2	15	15		
	31732153	Hán văn cơ sở	3	30	15		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
1		**Số tín chỉ trong kỳ**	**13**	**127**	**68**		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31731004	Văn bản Hán Nôm Việt Nam	3	30	15		
	31738048	Văn học Âu-Mĩ	3	30	15		A
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15	31721091	
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
2		**Số tín chỉ trong kỳ**	**14**	**150**	**60**		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31731506	Nhập môn lí luận văn học	3	30	15		
	31748073	Ngữ âm học và Từ vựng học tiếng Việt	4	30	30	31721140	
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
3		**Số tín chỉ trong kỳ**	**12**	**112**	**8**		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	3	30	15	31721140	
	31744887	Văn học dân gian Việt Nam	4	30	30		
		Học phần tự chọn					
	31722001	*Mỹ học đại cương*	2	15	15		
	31728093	*Văn học địa phương*	2	15	15		
4		**Số tín chỉ trong kỳ**	**14**	**134**	**76**		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31738051	Văn học châu Á	3	30	15		
	31748050	Văn học trung đại Việt Nam	4	45	15		
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31728052	*Learning Science*	2	20	10		A
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
5		**Số tín chỉ trong kỳ**	**15**	**176**	**49**		
	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	3	30	15		
	31738056	Văn học Việt Nam hiện đại 1900-1945	3	30	15	31748050	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31728079	*Foklore và văn học việt*	2	15	15		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
6		**Số tín chỉ trong kỳ**	**16**	**172**	**68**		
	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	2	24	6		A

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	31728058	Ứng dụng công nghệ trong thiết kế học liệu và dạy học Ngữ văn	2	15	15	31721403	A
	31738057	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay	3	30	15	31738056	
	31738062	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	3	33	12		
	31748074	Phong cách học & Ngữ dụng học tiếng Việt	4	30	30	31721140	
7		**Số tín chỉ trong kỳ**	**14**	**132**	**78**		
	31748061	Dạy học viết & nói-nghe: Lý thuyết & thực hành	4	30	30	31721403	
	31758060	Dạy học đọc hiểu văn bản: Lý thuyết và thực hành	5	35	40	31721403	
		Học phần tự chọn					
	31728080	*Văn học di dân*	2	17	13		
	31728071	*Thi pháp học*	2	20	10		
	31728072	*Ứng dụng liên ngành trong nghiên cứu văn học*	2	15	15		A
8		**Số tín chỉ trong kỳ**	**15**	**117**	**108**		
	31738078	Các xu hướng tiếp cận văn học Việt Nam đương đại	3	30	15		
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
		Học phần tự chọn					
	31721071	*Dạy học Ngữ văn theo định hướng tích hợp và phân hoá*	2	24	6		
	31728059	*Tiếng Việt trong nhà trường*	2	15	15		
	31721498	*Ngữ pháp văn bản*	2	15	15	31721140	
	31728069	*Phương ngữ học tiếng Việt*	2	15	15	31721140	
9		**Số tín chỉ trong kỳ**	**14**	**124**	**86**		
	31721100	Kiến tập sư phạm	2	0	60	31758060; 31748061	
	31728066	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong dạy học Ngữ văn	2	9	21	32022212	A
	31738081	Nghiên cứu và phê bình văn học: lý thuyết và ứng dụng	3	30	15		A
		Học phần tự chọn					
	31721849	*Thực tế chuyên môn*	2	0	60		
	31728054	*Xã hội học văn học*	2	20	10		
10		**Số tín chỉ trong kỳ**	**11**	**59**	**166**		
	31741101	Thực tập sư phạm	4	0	120	31758060; 31748061	
		Học phần tự chọn					
	31761102	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
11		**Số tín chỉ trong kỳ**	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Tịnh Trần Ngọc Oanh

TS. Phan Đức Tuấn